

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ

Ngày: 31 - 3 - 2021.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D - KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thái Thị Mỹ;

Ông Đỗ Công Luận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Đình Vân H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 343/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2021 và Thông báo dời ngày xét xử số 92 ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1992

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P2, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Thôn H, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Phạm Vũ Đ, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P2, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà H và ông Phạm Vũ Đ tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2017. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ ham mê cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình; gần đây, ông Đ còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà H nhiều lần nghĩ cho con nên cho ông Đ cơ hội sửa sai nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Nay, mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ không thể hàn gắn được, bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ, yêu

cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung là Phạm Đăng Q, sinh ngày 21/7/2018; bà H đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn ông Phạm Vũ Đ tại bản tự khai ngày 09/12/2020 trình bày: Về thời gian chung sống và địa điểm kết hôn ông Đ cũng thống nhất như bà H đã nêu. Trong thời gian chung sống, ông Đ xác nhận trước đây có việc ông Đ chơi bài, không lo cho vợ con nhưng hiện ông đã bỏ bài bạc để dành thời gian chăm lo gia đình, bản thân ông không có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ nào, ông xác định mối quan hệ đó chỉ là bạn bè, bà H không biết nên ghen tuông. Do ông Đ hay đi làm, không thường xuyên ở nhà, dẫn đến việc bà H buồn nên mới yêu cầu ly hôn. Hiện ông Đ vẫn còn tình cảm với bà H, ông không muốn con chung thiếu tình cảm, sự chăm sóc từ cha mẹ, mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ do đó ông Đ không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông Đ và bà H có 01 con chung là Phạm Đăng Q, sinh ngày 21/7/2018; ông Đ yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không có.

Đối với bị đơn ông Đ, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản niêm yết đối với ông Đ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông Đ; về con chung: Giao cháu Phạm Đăng Q, sinh ngày 21/7/2018 cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét; về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Vũ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Phạm Vũ Đ tự nguyện chung sống và có đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện D vào năm 2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H và bị đơn ông Phạm Vũ Đ thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc ông Đ có chơi cờ bạc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ đến bà H và có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác. Chính điều này đã tạo ra sự căng thẳng, xung đột dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ được Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều này thể hiện ông Đ đã không quan tâm, mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn ông Đ.

[3]. Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung là Phạm Đăng Q, sinh ngày 21/7/2018. Tại phiên tòa, bà H đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu Q hiện đang ở với ông Đ và ông Đ cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Q nên cần giao con chung cháu Phạm Đăng Q cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H và ông Đ đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Đ đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn ông Phạm Vũ Đ.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Đăng Q, sinh ngày 21/7/2018 cho ông Phạm Vũ Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; bà Nguyễn Thị Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H và ông Đ đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001816 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã P, D (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngọc Lệ**